

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHÚNG, CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG MARKETING
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1124 ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục	: Học viện Báo chí và Tuyên truyền
Tên văn bản	: Cử nhân quan hệ công chúng
Trình độ đào tạo	: Đại học
Tên CTĐT	: Chương trình đào tạo cử nhân ngành Truyền thông -marketing
Tên tiếng Anh	: BA program in Professional Public Relations
Mã số	: 7320108
Thời gian	: 4 năm
Khoa quản lý	: Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHÚNG – CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG MARKETING

(Ban hành theo Quyết định số 1124 ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục	: Học viện Báo chí và Tuyên truyền
Tên văn bằng	: Cử nhân Quan hệ công chúng
Trình độ đào tạo	: Đại học
Tên CTĐT	: Chương trình đào tạo cử nhân ngành Truyền thông – marketing
Tên tiếng Anh	: BA program in Professional Public Relations
Mã số	: 7320108
Thời gian đào tạo	: 4 năm
Khoa quản lý	: Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo

1. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Học viện và Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo

1.1. Sứ mạng

- *Sứ mạng của Học viện*: Là trường Đảng, trường đại học được xây dựng thành trường trọng điểm của mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Học viện có sứ mệnh nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.

- *Sứ mạng của Khoa*: Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo ra đời với sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực quan hệ công chúng, quảng cáo và truyền thông marketing tại Việt Nam.

1.2. Tầm nhìn

- *Tầm nhìn của Học viện đến năm 2045*: Học viện là trường Đảng, đồng thời là cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, hàng đầu của Việt Nam. Tiếp tục khẳng định, giữ vững vị thế của một trường đại học hàng đầu trong đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu lĩnh vực lý luận chính trị, công tác xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông với đội ngũ chuyên gia đầu ngành có tầm ảnh hưởng trong nước và quốc tế.

Học viện phấn đấu đến năm 2030 trở thành trường đại học quản trị theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực; phấn đấu đến 2045 trở thành cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học có uy tín cao và được xếp hạng quốc tế.

- *Tầm nhìn của khoa*: Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo là đơn vị đi đầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quan hệ công chúng, quảng cáo và truyền thông marketing tại Việt Nam, tiên phong trong xây dựng các chương trình đào tạo theo hướng đổi mới sáng tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội, xây dựng môi trường tự do học thuật, hội tụ các nhà khoa học, đội ngũ giảng viên, các chuyên gia đầu ngành, các nhà tuyển dụng hàng đầu về lĩnh vực quan hệ công chúng, quảng cáo và truyền thông marketing.

1.3. Giá trị cốt lõi

- *Giá trị cốt lõi của Học viện*:

- Đoàn kết: là nền tảng để tập trung sức mạnh, thống nhất ý chí và hành động, hướng tới mục tiêu chung và chiến lược phát triển của Học viện.

- Dân chủ: là môi trường cùng tham gia, khơi dậy tinh thần sáng tạo, ý thức trách nhiệm trong mọi hoạt động của Học viện.

- Đổi mới: là phương thức và động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện, không ngừng của Học viện.

- Sáng tạo: Là điều kiện để cán bộ, giảng viên và người học phát triển trí tuệ và kiến tạo tri thức.

PO3. Kiến thức cơ bản về một số ngành học liên quan bao gồm: báo chí, quảng cáo, marketing

PO4. Kiến thức toàn diện về lý luận và thực tiễn liên quan đến quan hệ công chúng và truyền thông - marketing trong bối cảnh công nghệ số

- Kỹ năng:

PO5. Kỹ năng hỗ trợ và kỹ năng mềm liên quan đến phân tích, phản biện, tư duy sáng tạo cũng như kỹ năng về giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình, truyền đạt vấn đề, giải pháp tới người nghe.

PO6. Kỹ năng chuyên môn cơ bản, cần thiết để thực hành các hoạt động và chiến dịch quan hệ công chúng, truyền thông - marketing trên đa nền tảng và phương tiện truyền thông, đặc biệt trên nền tảng và phương tiện truyền thông số, như: giải quyết vấn đề, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện, đánh giá hiệu quả các chiến dịch, dự án, cũng như thiết kế và sản xuất các sản phẩm trong lĩnh vực quan hệ công chúng và truyền thông – marketing.

PO7. Kỹ năng về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc và có năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

PO8. Kỹ năng dẫn dắt khởi nghiệp, phát triển các dự án, mô hình, doanh nghiệp hoặc tổ chức trong lĩnh vực quan hệ công chúng và truyền thông – marketing.

- Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

PO9. Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm trước tổ chức.

PO10. Khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và giám sát các hoạt động trong công việc.

2.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- Nhân viên tại các công ty truyền thông chuyên nghiệp, các công ty tư vấn/cung cấp dịch vụ quan hệ công chúng C và truyền thông marketing trong và ngoài nước.

- Cán bộ truyền thông, quan hệ công chúng, marketing cho các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ.

- Cán bộ nghiên cứu khoa học trong các viện, các công ty nghiên cứu trong nước hoặc toàn cầu về quan hệ công chúng và truyền thông marketing.

- Chuyên viên phân tích, dự báo, tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo, quản lý công tác báo chí truyền thông.

- Nhà sản xuất sản phẩm truyền thông có công việc tự do (Freelancer), nhà sáng tạo nội dung độc lập trên các nền tảng mạng xã hội (Content Creator), ...

2.4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Khả năng học tập và tích lũy kiến thức thực tiễn liên quan đến ngành, nghề: người học tốt nghiệp có khả năng vận dụng tốt chuyên môn được học trong chương trình vào các vị trí việc làm phù hợp với ngành, nghề, từ đó trau dồi thêm kinh nghiệm thực tế, kiến thức xã hội, kỹ năng mềm để tiếp tục phát triển trong tương lai.

- Khả năng tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo sau đại học: Người học tốt nghiệp có thể tiếp tục nâng cao kiến thức lý thuyết lẫn thực hành thông qua việc học thêm các chương trình đào tạo sau đại học như Thạc sĩ, các chứng chỉ, văn bằng trong nước và quốc tế.

- Kỹ năng nâng cao trình độ tiếng Anh và tin học, đặc biệt liên quan đến lĩnh vực Quan hệ công chúng, truyền thông, marketing nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của công việc.

3. Căn cứ xây dựng chương trình

3.1. Căn cứ thực tiễn

3.1.1. Các chương trình đào tạo tham khảo

- Các chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền:

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

4.1. Kiến thức

PLO1	Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.
PLO2	Hiểu và vận dụng các kiến thức về các lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn có liên quan đến ngành học như chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật, ngôn ngữ, tâm lý, phương pháp luận nghiên cứu, ngoại ngữ và tin học cơ bản.
PLO3	Vận dụng kiến thức cơ bản về truyền thông - marketing bao gồm: lý luận, mô hình, phương tiện, ngôn ngữ, đối tượng, loại hình, luật pháp và đạo đức nhằm phát hiện, phân tích và giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong truyền thông - marketing.
PLO4	Áp dụng được các kiến thức lý luận và thực tiễn về truyền thông - marketing trong lĩnh vực chính trị, văn hoá, kinh tế, xã hội, môi trường, giáo dục và các lĩnh vực khác như báo chí, quan hệ quốc tế, ngoại giao.
PLO5	Vận dụng kiến thức cơ bản về một số ngành học liên quan bao gồm: báo chí, quảng cáo, marketing vào hoạt động nghiên cứu và thực hành truyền thông - marketing.
PLO6	Áp dụng và triển khai được các kiến thức về lập kế hoạch, quy trình và các hoạt động, công cụ, chiến lược vào nghiên cứu, phát triển, vận hành và đánh giá các chiến dịch, dự án truyền thông - marketing.
PLO7	Vận dụng kiến thức truyền thông - marketing chuyên sâu vào quản lý vấn đề, quản lý danh tiếng, quản lý mối quan hệ với các nhóm công chúng của tổ chức và đánh giá thực trạng, dự báo xu hướng, đề xuất giải pháp kiến nghị trong lĩnh vực truyền thông.

4.2. Kỹ năng

PLO8	Thuyết trình, làm việc nhóm, phát ngôn, giao tiếp, đàm phán các ý tưởng và thành thạo ngoại ngữ, tin học.
------	---

9.2. Nội dung chi tiết

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự học	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
A. Kiến thức giáo dục đại cương			44										
A1. Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh			11										
1	TM01012	Triết học Mác-Lênin	3	1,5	1	0,5	12,5	10	25	0	5	22,5	
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1,5	0,25	0,25	20	2,5	0	0	7,5	11,25	
3	CN01001	CNXHKH	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	5	0	2,5	11,25	
4	LS01002	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1,5	0,25	0,25	17,5	5	2,5	0	5	11,25	
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	2,5	0	5	11,25	
A2. Khoa học xã hội và nhân văn			15										
Bắt buộc			9										
6	NP01001	Pháp luật đại cương	3	2	0,8	0,2	30	0	10	0	14	9	
7	CT01001	Chính trị học đại cương	2	1,5	0,3	0,2	15	7,5	9	0	0	9	
8	XD01001	Xây dựng Đảng	2	1,5	0,25	0,25	17,5	5	2,5	0	5	11,25	
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2	1,5	0,25	0,25	15	7,5	5	0	2,5	11,25	
Tự chọn			6/18										
10	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	7,5	0	0	11,25	

26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	4	2	1.5	0.5	20	10	30		15	22.5	
27	NN01022	Tiếng Trung học phần 4	3	1.5	1	0.5	16.5	6	21		9	22.5	
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			86										
B1. Kiến thức cơ sở ngành			21										
<i>Bắt buộc</i>			<i>15</i>										
28	BC02801	Lý thuyết truyền thông	3	1.5	1	0.5	22.5	0	24.5	0	5.5	22.5	
29	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông	3	1.5	1	0.5	22.5	0	24.5	0	5.5	22.5	
30	QQ02101	Nhập môn quan hệ công chúng và quảng cáo	3	1.5	1.25	0.25	12.5	10	15	0	22.5	11.25	
31	QT51001	Quan hệ quốc tế	2	1.5	0.25	0.25	17.5	5	7.5	0	0	11.25	
32	XB02601	Nghiệp vụ biên tập báo chí truyền thông	2	1.5	0.25	0.25	17.5	5	7.5	0	0	11.25	
33	QQ02608	Thực tế chính trị - xã hội	2	0.5	1	0.5	7.5	0	0	0	30	22.5	
<i>Tự chọn</i>			<i>6/20</i>										
34	QQ42020	Hành vi khách hàng	2	1	0.75	0.25	10	5	10	0	12.5	11.25	
35	QQ42021	Kỹ năng tranh biện	2	1	0.75	0.25	10	5	10	0	12.5	11.25	
36	QQ42022	Truyền thông - marketing trên mạng xã hội	2	1	0.75	0.25	10	5	10	0	12.5	11.25	
37	QQ42023	Quan hệ báo chí	2	1	0.75	0.25	10	5	5	0	17.5	11.25	
38	QQ42024	Các chuyên đề truyền thông - marketing	2	1	0.75	0.25	10	5	10	0	12.5	11.25	

53	QQ56003	Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)	3	1.5	1.25	0.25	15	7.5	7.5	0	30	11.25	QQ43035
54	QQ43036	PR chuyên nghiệp	3	1.5	1.25	0.25	12.5	10	15	0	22.5	11.25	QQ02101
55	QQ03472	Viết lời quảng cáo	3	1.5	1.25	0.25	15	7.5	17.5	0	20	11.25	
56	QQ02609	Truyền thông nội bộ	3	1.5	1.25	0.25	12.5	10	15	0	22.5	11.25	
57	QQ02603	Văn hoá doanh nghiệp	3	1.5	1.25	0.25	12.5	10	15	0	22.5	11.25	
58	QQ02602	Kinh tế truyền thông	3	1.5	1.25	0.25	15	7.5	12.5		25	11.25	
59	QQ03301	Ứng dụng công nghệ số trong truyền thông - marketing	3	1.5	1.25	0.25	15	7.5	7.5	0	30	11.25	QQ43035
B3. Kiến thức chuyên ngành			28										
Bắt buộc			22										
60	QQ53002	Chiến lược Marketing	3	1.5	1.25	0.25	12.5	10	7.5	0	30	11.25	QQ43035
61	QQ43038	Sáng tạo nội dung truyền thông – marketing	3	1.5	1.25	0.25	15	7.5	17.5	0	20	11.25	
62	QQ42028	Kỹ năng viết cho PR và quảng cáo	2	1	0.75	0.25	10	5	10	0	12.5	11.25	QQ02101
63	QQ43040	Sản xuất sản phẩm truyền thông - marketing	3	1.5	1.25	0.25	15	7.5	7.5	0	30	11.25	QQ43035
64	QQ02616	Marketing kỹ thuật số	3	1.5	1.25	0.25	12.5	10	7.5	0	30	11.25	QQ43035
65	QQ43041	Dự án truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)	3	1.5	1.25	0.25	12.5	10	7.5	0	30	11.25	

10. Ma trận liên kết giữa các học phần với CĐR của CTĐT

T T	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		Kiến thức							Kỹ năng					Mức độ tự chủ & trách nhiệm		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Triết học Mác-Lênin	H5	L2						L2						H4	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	H5	L2						L2						H4	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	H5	L2						L2						H4	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	H5	L2						L2						H4	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	H5	L2						L2						H4	
6	Pháp luật đại cương		H5						L2						M3	
7	Chính trị học đại cương		H5						L2						M3	
8	Xây dựng Đảng		H5						L2						M3	
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn		H5						L2						M3	
10	Cơ sở văn hóa Việt Nam		H5						L2						M3	
11	Các loại hình báo chí - truyền thông					H5			M3					M3	M3	
12	Địa chính trị thế giới		H5						L2						M3	
13	Tâm lý học dạy học đại học		H5						L2						M3	
14	Tâm lý học xã hội		H5						L2						M3	
15	Tiếng Việt thực hành		H5						L2						M3	

16	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo					H5			M3					M3	M3	
17	Truyền thông đa phương tiện					H5			M3					M3	M3	
18	Xã hội học đại cương		H5						M3						M3	
19	Tin học ứng dụng		H5						M3					L2	L2	
20	Tiếng Anh học phần 1		H5						M3					L2	L2	
21	Tiếng Anh học phần 2		H5						M3					L2	L2	
22	Tiếng Anh học phần 3		H5						M3					L2	L2	
23	Tiếng Anh học phần 4		H5						M3					L2	L2	
24	Tiếng Trung học phần 1		H5						M3					L2	L2	
25	Tiếng Trung học phần 2		H5						M3					L2	L2	
26	Tiếng Trung học phần 3		H5						M3					L2	L2	
27	Tiếng Trung học phần 4		H5						M3					L2	L2	
28	Lý thuyết truyền thông			H5	M4				M3					M3	L2	
29	Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông			H5	M4				M3					M3	L2	
30	Nhập môn quan hệ công chúng và quảng cáo			H5	M4				M3					M3	L2	
31	Quan hệ quốc tế	L1			H5	M3			M3					M3	L2	
32	Nghịệp vụ biên tập báo chí truyền thông			M4	H5				M3					M3	L2	
33	Thực tế chính trị - xã hội		L2	M3	H5	M3			M3				M3	M3	M3	M3

53	Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)						H5	H5	H4		H4		M3	M3	M3	
54	PR chuyên nghiệp						H5	H5	H4		H4		M3	M3	M3	
55	Viết lời quảng cáo					H5			M3	H4		H4			M3	
56	Truyền thông nội bộ					H5	M4		M3		H4	M3		M3	M3	
57	Văn hoá doanh nghiệp				H5	M4			M3			H4		M3	M3	
58	Kinh tế truyền thông				H5				M3					M3	M3	
59	Ứng dụng công nghệ số trong truyền thông – marketing					H5	H5		H4			M3		M3	M3	
60	Chiến lược Marketing					H5	H5		H4		H4		M3	M3	M3	
61	Sáng tạo nội dung truyền thông - marketing					H5			M3	H4		H4			M3	
62	Kỹ năng viết cho PR và quảng cáo					H5			M3	H4		H4			M3	
63	Sản xuất sản phẩm truyền thông - marketing					H5			M3	H4		H4		M3	M3	
64	Marketing kỹ thuật số					H5	H5		H4			M3		M3	M3	
65	Dự án truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)					M4	H5	H5	H4		H4		H4	H4	M3	M3
66	Hồ sơ và phỏng vấn tuyển dụng					H5			H4	M3				H4	H4	M3
67	Thực tập tốt nghiệp			H5	H5	H5	H5	H5	H4		H4	M3	H4	H4	H4	H4
68	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông			H5		H5		H5	M3	H4			H4	H4	H4	H4
69	Quản trị bán hàng và quan hệ khách hàng					M4		H5	H4				H4	H4	M3	

70	Vận động hành lang trong PR					H5		H5	H4				H4	H4	M3	H4
71	Chiến dịch truyền thông -marketing					H5	H5	H5	H4		H4		H4	H4	M3	M3
72	Truyền thông gây quỹ					H5		H5	H4				H4	H4	M3	H4
73	Truyền thông quảng bá ngôi sao					H5		H5	H4				H4	H4	M3	M3
74	Khóa luận tốt nghiệp/ Tác phẩm tốt nghiệp			H5	H5	H5	H5	H5	H4	H4		H4		H4	H4	M3
75	Quản trị sự kiện					H5	H5	H5	H4	H4		H4		H4	H4	M3
76	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp			H5	H5	H5	H5	H5	H4					H4	H4	M3

Lưu ý:

CĐR kiến thức: L1, L2; M3, M4; H5, H6

CĐR kỹ năng: L1, L2; M3; H4, H5

CĐR mức độ tự chủ và trách nhiệm: L1, L2; M3; H4, H5

Trong đó: L (Low) là mức thấp; M (Medium) là mức trung bình; H (High) là mức cao

11. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1	TM01012	Triết học Mác-Lênin	x							
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		x						
3	CN01001	Chủ nghĩa xã hội khoa học		x						
4	LS01001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x							
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x							
6	NP01001	Pháp luật đại cương				x				

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
27	NN01024	Tiếng Trung học phần 4				x				
28	BC02801	Lý thuyết truyền thông		x						
29	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông			x					
30	QQ02101	Nhập môn quan hệ công chúng và quảng cáo		x						
31	QT51001	Quan hệ quốc tế			x					
32	XB02601	Nghiệp vụ biên tập báo chí truyền thông			x					
33	QQ02608	Thực tế chính trị - xã hội				x				
34	QQ42020	Hành vi khách hàng		x			x			
35	QQ42021	Kỹ năng tranh biện		x						
36	QQ42022	Truyền thông-marketing trên mạng xã hội		x						
37	QQ42023	Quan hệ báo chí					x			
38	QQ42024	Các chuyên đề truyền thông - marketing					x			
39	QQ42025	Lễ tân ngoại giao					x			
40	QQ42026	Ngôn ngữ truyền thông					x			
41	QQ43033	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý					x			
42	QQ43034	Xây dựng thương hiệu cá nhân					x			
43	QQ02301	Truyền thông dữ liệu					x			
44	BC02115	Công chúng báo chí - truyền thông				x				
45	PT03135	Dàn chương trình					x			
46	QQ53015	Xây dựng và quản trị thương hiệu					x			
47	QT02401	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại				x				

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
48	XB02610	Xuất bản điện tử				x				
49	QQ43035	Marketing						x		
50	QQ43037	Nghiên cứu và phân tích dữ liệu truyền thông – marketing							x	
51	QQ43039	Thiết kế sản phẩm truyền thông – marketing							x	
52	QQ03480	Kiến tập nghề nghiệp						x		
53	QQ56003	Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)					x			
54	QQ43036	PR chuyên nghiệp			x					
55	QQ03472	Viết lời quảng cáo					x			
56	QQ02609	Truyền thông nội bộ				x				
57	QQ02603	Văn hoá doanh nghiệp							x	
58	QQ02602	Kinh tế truyền thông					x			
59	QQ03301	Ứng dụng công nghệ số trong truyền thông – marketing					x			
60	QQ53002	Chiến lược Marketing						x		
61	QQ43038	Sáng tạo nội dung truyền thông – marketing						x		
62	QQ42028	Kỹ năng viết cho PR và quảng cáo							x	
63	QQ43040	Sản xuất sản phẩm truyền thông -marketing							x	
64	QQ02616	Marketing kỹ thuật số							x	
65	QQ43041	Dự án truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)								x
66	QQ42029	Hồ sơ và phỏng vấn tuyển dụng							x	
67	QQ43042	Thực tập tốt nghiệp							x	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
68	QQ53008	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông							x	
69	QQ43044	Quản trị bán hàng và quan hệ khách hàng						x		
70	QQ53013	Vận động hành lang trong PR						x		
71	QQ43046	Chiến dịch truyền thông -marketing						x		
72	QQ43047	Truyền thông gây quỹ								x
73	QQ43048	Truyền thông quảng bá ngôi sao							x	
74	QQ04024	Khóa luận tốt nghiệp/ Tác phẩm tốt nghiệp								x
75	QQ43049	Quản trị sự kiện								x
76	QQ02610	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp								x

12. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy phải đa dạng, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, của các học phần trong chương trình đào tạo. Một số phương pháp giảng dạy thường được sử dụng ở bậc đại học: Giảng lý thuyết, thảo luận (thảo luận nhóm, thảo luận chuyên đề), nghiên cứu trường hợp (Case study), dạy học thông qua vấn đề (Problem-based learning), dạy học thông qua làm dự án (Project-based learning), thuyết trình (người học thuyết trình - Presentation), đóng vai, mô phỏng (Roleplay, simulation), làm thí nghiệm, bài tập thực hành (Experiment, exercise), nghiên cứu thực địa, thực tế, thực tập (Fieldwork)...

Ma trận liên kết giữa phương pháp giảng dạy và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phương pháp hoạt động dạy và học	CHUẨN ĐẦU RA PLOs														
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
1. Thuyết giảng tương tác	x	x	x	x	x	x	x	x	x					x	

2. Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x
3. Giải quyết vấn đề		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x
4. Nghiên cứu trường hợp		x	x	x	x	x	x			x	x	x	x		x
5. Nhập vai, mô phỏng				x	x	x	x			x		x	x		x
6. Thực hành/thí nghiệm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7. Dự án (Sản phẩm)			x	x	x	x	x			x	x	x	x		x
8. Thực tế/thực tập		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9. Sinh viên thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10. Tự học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

13. Phương pháp học tập

Ma trận liên kết giữa phương pháp học tập và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Phương pháp học tập	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Nghe giảng, ghi nhớ chủ động, đặt câu hỏi với GV	x	x	x	x	x	x	x	x	x					x	
2	Làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x
3	Quan sát, đánh giá, giải quyết vấn đề		x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x
4	Học qua trường hợp, ví dụ thực tế		x	x	x	x	x	x			x	x	x	x		x

5	Đóng vai, diễn tả				x	x	x	x			x		x	x		x
6	Triển khai thực hành/ thí nghiệm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Học qua dự án			x	x	x	x	x			x	x	x	x		x
8	Đi thực tế, thực địa		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9	Đặt câu hỏi, tư duy phản biện	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	Nghiên cứu tài liệu, vẽ sơ đồ tư duy	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

14. Hình thức kiểm tra, đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 12; điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 15 Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 12/3/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	
1	Triết học Mác-Lênin	x		x						x		x						
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x	x			x			x	x	x			x			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x							x	x							x	

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/Dự án	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/Dự án	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x				x				x				x				
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x				x	x			x				x	x			
6	Pháp luật đại cương	x				x	x			x				x	x			
7	Chính trị học đại cương	x		x								x						
8	Xây dựng Đảng	x				x	x					x		x	x			
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	x						x								x		
10	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x			x					x			x					
11	Các loại hình báo chí - truyền thông							x	x							x	x	
12	Địa chính trị thế giới	x					x			x					x			

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/Dự án	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/Dự án	
13	Tâm lý học dạy học đại học	x						x		x						x		
14	Tâm lý học xã hội	x						x		x						x		
15	Tiếng Việt thực hành	x			x					x			x					
16	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo	x					x	x		x					x	x		
17	Truyền thông đa phương tiện							x	x							x	x	
18	Xã hội học đại cương			x			x					x			x			
19	Tin học ứng dụng					x		x						x		x		x
20	Tiếng Anh học phần 1			x	x							x	x					
21	Tiếng Anh học phần 2			x	x							x	x					
22	Tiếng Anh học phần 3			x	x							x	x					

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/Dự án	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/Dự án	
23	Tiếng Anh học phần 4			X	X							X	X					
24	Tiếng Trung học phần 1			X	X							X	X					
25	Tiếng Trung học phần 2			X	X							X	X					
26	Tiếng Trung học phần 3			X	X							X	X					
27	Tiếng Trung học phần 4			X	X							X	X					
28	Lý thuyết truyền thông						X	X	X						X	X	X	
29	Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông	X				X	X			X				X	X			
30	Nhập môn quan hệ công chúng và quảng cáo							X	X							X	X	
31	Quan hệ quốc tế	X						X										
32	Nghệ thuật biên tập báo	X						X				X					X	

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/Dự án	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/Dự án	
	chí truyền thông																	
33	Thực tế chính trị - xã hội						x		x						x		x	
34	Hành vi khách hàng						x											
35	Kỹ năng tranh biện						x							x				
36	Truyền thông-marketing trên mạng xã hội							x	x							x	x	
37	Quan hệ báo chí	x					x	x		x					x	x		
38	Các chuyên đề truyền thông - marketing							x	x							x	x	
39	Lễ tân ngoại giao	x															x	
40	Ngôn ngữ truyền thông						x	x	x						x	x	x	

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/Dự án	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/Dự án	
	chí truyền thông																	
33	Thực tế chính trị - xã hội						x		x						x		x	
34	Hành vi khách hàng						x											
35	Kỹ năng tranh biện						x							x				
36	Truyền thông-marketing trên mạng xã hội							x	x							x	x	
37	Quan hệ báo chí	x					x	x		x					x	x		
38	Các chuyên đề truyền thông - marketing							x	x							x	x	
39	Lễ tân ngoại giao	x															x	
40	Ngôn ngữ truyền thông						x	x	x						x	x	x	

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/Dự án	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/Dự án	
41	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý							X										
42	Xây dựng thương hiệu cá nhân							X	X							X	X	
43	Truyền thông dữ liệu	X															X	
44	Công chúng báo chí – truyền thông	X				X	X			X				X	X			
45	Dẫn chương trình						X	X	X						X	X	X	
46	Xây dựng và quản trị thương hiệu							X										
47	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại						X	X							X	X		
48	Xuất bản điện tử							X	X								X	
49	Marketing	X		X			X			X		X			X			
50	Nghiên cứu							X	X							X	X	

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/Dự án	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/Dự án	
	và phân tích dữ liệu truyền thông – marketing																	
51	Thiết kế sản phẩm truyền thông – marketing							x	x							x	x	
52	Kiến tập nghề nghiệp						x		x						x		x	
53	Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)							x	x							x	x	
54	PR chuyên nghiệp	x						x		x						x		
55	Viết lời quảng cáo							x	x							x	x	
56	Truyền thông nội bộ							x								x		
57	Văn hoá doanh nghiệp						x	x							x	x		
58	Kinh tế truyền thông	x						x		x						x		
59	Ứng dụng						x	x								x	x	

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	
	công nghệ số trong truyền thông – marketing																	
60	Chiến lược Marketing						X	X	X						X	X	X	
61	Sáng tạo nội dung truyền thông – marketing							X	X							X	X	
62	Kỹ năng viết cho PR và quảng cáo							X	X							X	X	
63	Sản xuất sản phẩm truyền thông - marketing							X	X							X	X	
64	Marketing kỹ thuật số						X	X	X						X	X	X	
65	Dự án truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)							X	X							X	X	
66	Hồ sơ và					X			X					X			X	

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	
	phỏng vấn tuyển dụng																	
67	Thực tập tốt nghiệp						x	x										
68	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông							x	x							x	x	
69	Quản trị bán hàng và quan hệ khách hàng	x					x	x		x					x	x		
70	Vận động hành lang trong PR	x					x	x							x	x		
71	Chiến dịch truyền thông -marketing							x	x							x	x	
72	Truyền thông gây quỹ			x					x			x					x	
73	Truyền thông quảng bá ngôi sao						x	x							x	x		
74	Khóa luận tốt								x								x	

TT	Tên học phần	Trực tiếp								Trực tuyến (tối đa 30%)								Hình thức khác
		Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm/ Dự án	
	ngành/ Tác phẩm tốt nghiệp																	
75	Quản trị sự kiện								x								x	
76	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp						x								x			

15. Điều kiện đội ngũ

- Số lượng giảng viên cơ hữu viên có học hàm Giáo sư, phó Giáo sư; giảng viên có học vị Tiến sĩ; giảng viên có học vị Thạc sĩ.

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm		Học vị		
				GS	PGS	TS	ThS	ĐH
1	Nguyễn Thị Minh Hiền	1981	QHCC, QC, Truyền thông			x		
2	Vũ Tuấn Hà	1987	QHCC, Báo chí			x		
3	Nguyễn Hoàng Yến	1987	QHCC, Báo chí			x		
4	Mai Thị Lan Phương	1980	Xuất bản				x	

5	Đỗ Thị Hải Đăng	1988	QHCC, QC, Truyền thông				x	
6	Tào Thanh Huyền	1989	QHCC, QC, Truyền thông				x	
7	Lê Thị Thuỳ Linh	1990	QHCC, QC, Truyền thông				x	
8	Nguyễn Thuỳ Linh	1992	Truyền thông, Marketing				x	
9	Vũ Hạnh Ngân	1992	QHCC, QC, Truyền thông				x	
10	Đoàn Thị Quỳnh Nga	1995	Truyền thông, Báo chí, Marketing				x	
11	Nguyễn Thu Hà	1995	QHCC, QC, QHQT,				x	

- Số lượng giảng viên thỉnh giảng là các Giáo sư, phó Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ, Giảng viên cao cấp đang công tác tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm		Học vị		
				GS	PGS	TS	ThS	ĐH
1	PGS,TS. Mai Đức Ngọc	1968	Chính trị học		x			
2	PGS,TS. Phạm Minh Sơn	1968	Chính trị học		x			

3	PGS,TS. Nguyễn Thị Trường Giang	1978	Văn hoá		x			
4	PGS,TS. Trần Thanh Giang	1978	Chính trị học		x			
5	PGS,TS. Hà Huy Phượng	1969	Báo chí học		x			
6	PGS,TS. Nguyễn Ngọc Oanh	1965	Báo chí học		x			
7	PGS,TS. Đinh Thị Thu Hằng	1978	Báo chí học		x			
8	PGS,TS. Phạm Huy Kỳ	1957	Chính trị học		x			
9	PGS,TS. Lương Khắc Hiếu	1952	Chính trị học		x			
10	TS. Trần Văn Thư	1974	Ngữ văn			x		
11	PGS,TS. Phạm Hương Trà	1979	Xã hội học		x			
12	TS. Vũ Thùy Dương	1982	Xuất bản			x		
13	TS. Vũ Thanh Vân	1982	Báo chí học			x		

14	TS. Lương Ngọc Vĩnh	1965	Chính trị học – CTTT			x		
15	TS. Lê Thu Hà	1982	Báo chí học			x		
16	PGS,TS. Trương Thị Kiên	1978	Báo chí học		x			
17	TS. Đinh Thị Xuân Hòa	1974	Báo chí học			x		
18	TS. Bùi Thu Hương	1980	Xã hội học			x		
19	TS. Đinh Thị Thanh Tâm	1983	Chính trị học – CTTT			x		
20	TS. Lưu Thúy Hồng	1980	Quan hệ quốc tế			x		
21	TS. Nguyễn Nga Huyền	1985	Báo chí học			x		
22	TS. Dương Thu Hương	1978	Xã hội học			x		
23	TS Nguyễn Thị Như Huế	1979	Triết học			x		
24	ThS. Lương Đông Sơn	1991	Báo chí học				x	

25	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	1989	Quan hệ quốc tế			x		
26	ThS. Vũ Hoàng Oanh	1997	Truyền thông liên văn hoá và Quan hệ quốc tế				x	
27	TS. Lê Thị Nhã	1975	Báo chí học			x		
28	TS. Phạm Bình Dương	1985	Báo chí học			x		
29	ThS. Trần Quang Huy	1968	PP giảng dạy Tiếng Anh				x	
30	TS. Trần Thị Bình	1973	Pháp luật		x			
31	ThS. Lưu Thị Thu Phương	1983	Chính trị học – CTTT		x			

- Số lượng giảng viên thỉnh giảng là các Giáo sư, phó Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ, Giảng viên cao cấp, chuyên gia, nhà thực hành nghề đang công tác tại các cơ quan, tổ chức ngoài Học viện:

T T	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn	Học hàm, học vị	Cơ quan công tác
1	Tạ Ngọc Tấn	1954	Báo chí học	GS,TS	Phó chủ tịch, Hội đồng Lý luận Trung ương

2	Đinh Thị Thúy Hằng	1957	Báo chí học	PGS,TS	Cố vấn, Trung tâm bồi dưỡng Hội nhà báo Việt Nam
3	Đỗ Chí Nghĩa	1975	Báo chí học	PGS,TS	Ủy ban VH-GD, Quốc hội
4	Vũ Mạnh Cường	1966	Tiếng Nga	Chuyên gia, Thạc sĩ	Vụ phó Vụ Truyền thông và Thi đua khen thưởng, Bộ Y tế
5	Nguyễn Thành Lợi	1974	Báo chí học	PGS,TS	Tổng biên tập, Báo Kinh tế và Đô thị
6	Nguyễn Đình Thành	1978	Quản trị các tổ chức văn hóa	Chuyên gia, Thạc sĩ	Đồng sáng lập Elite PR School
7	Nguyễn Tri Thức	1974	Báo chí học	Tiến sĩ	Vụ trưởng, Trưởng ban Hồ sơ Sự kiện, Tạp chí Cộng sản
8	Hoàng Anh (nữ)	1972	Triết học	PGS,TS	Học viện CTQG HCM
9	Nguyễn Thắng Lợi	1972	Lịch sử Đảng	PGS,TS	Học viện CTQG HCM
10	Trần Thị Thanh Thủy	1972	Quản lý và chính sách phát triển	PGS,TS	Viện Lãnh đạo học và Chính sách công, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
11	Tạ Thị Đào	1979	Service Innovation Management	Tiến sĩ	Phó chủ nhiệm bộ môn Marketing, Trường Quản trị và Kinh doanh, VNU, Hà Nội
12	Vũ Tuấn Anh	1981	Báo chí học	Tiến sĩ	Trưởng khoa, Học viện Ngoại giao
13	Luận Thùy Dương	1963	Ngoại giao	Tiến sĩ	Học viện Ngoại giao
14	Nguyễn Thị Hồng Nam	1967	Lưu trữ	Tiến sĩ	Học viện Ngoại giao

15	Đinh Văn Hường	1962	Báo chí học	PGS.TS	Trường Đại học KHXH&NV
16	Bùi Chí Trung	1978	Báo chí học	PGS.TS	Trường Đại học KHXH&NV
17	Phan Văn Kiên	1985	Báo chí học	Tiến sĩ	Trường Đại học KHXH&NV
18	Đỗ Anh Đức	1976	Báo chí học	Tiến sĩ	Trường Đại học KHXH&NV
19	Vũ Thị Kim Hoa	1969	Ngôn ngữ học	Tiến sĩ	Trường Đại học KHXH&NV
20	Trần Duy	1987	Báo chí học	Tiến sĩ	Học viện Bưu chính viễn thông
21	Phạm Trần Tuấn Bằng	1990	QHCC	Thạc sĩ	Huấn luyện viên, Trung tâm Hymalaya Yoga
22	Nguyễn Thị Huyền Trang	1980	Quản trị kinh doanh	Thạc sĩ	Giám đốc điều hành, Công ty truyền thông Mimosa
23	Kiều Thị Yến	1990	QHCC (QTTT)	Thạc sĩ	Quản lý dự án, Hệ thống Y tế Vinmec
24	Trương Đức Vinh	1988	Kỹ sư phần mềm	Chuyên gia	Giám đốc, Công ty TNHH ALPHA - F
25	Trần Trọng Hải	1992	QHCC (QTTT)	Thạc sĩ	Giám đốc, Công ty TNHH Thiết kế Hòa tọc
26	Bùi Nguyễn Ngọc Dương	1992	QHCC	Đại học	Trưởng phòng truyền thông - Marketing, Công ty TNHH US MEDICOM
27	Ngô Thị Hồng Hạnh	1975	Báo chí	Thạc sĩ	Phó trưởng khoa, Khoa Truyền thông, Trường Đại học Đại Nam
28	Bùi Minh Thúy	1992	Marketing kỹ thuật số	Thạc sĩ	Giảng viên, Đại học Quốc gia

29	Vũ Tú Anh	1990	Marketing thương mại	Đại học	Giám đốc vận hành, Công ty TNHH Cơ sở Cốt yếu
30	Lê Minh Hằng	1981	Quản trị kinh doanh	Thạc sĩ	Trưởng bộ môn Marketing, Khoa Quản trị Kinh doanh và Du lịch, Trường Đại học Hà Nội
31	Kiều Huy Dương	1996	QHCC (QTTT)	Thạc sĩ	Học viện Nghệ thuật và Thiết kế Monster Lab
32	Trần Việt Anh	1981	Mỹ thuật Công nghiệp	Đại học	Báo Nông thôn Ngày nay

16. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ CTĐT

16.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy....

Thông kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị (dành cho các ngành khối nghiệp vụ)

Thông kê phòng học

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1	Phòng thực hành Ảnh báo chí	- Máy ảnh Canon EOS D1200. - Máy ảnh Nikon D800. - Máy tính bàn DELL. - Đèn chụp ảnh	1
2	Phòng thực hành Xuất bản báo in	- Máy tính bàn. - Máy chủ DELL. - Máy in. - Máy chiếu. - Âm thanh.	1
3	Phòng thực hành Báo chí – Truyền thông	- Máy tính bàn. - Máy in khổ A3. - Máy chiếu.	2

		- Âm thanh.	
4	Phòng thực hành Phát thanh - Thu thanh	- Bộ trộn tín hiệu. - Micro. - Loa kiểm âm. - Máy ghi âm KTS.	1
5	Phòng thực hành quay phim	- Máy quay phim. - Bộ bàn trộn hình Full HD. - Bộ ghi hình Full HD. - Mixer Audio Soundcraft. - Mixer Video SONY. - Tivi - Cầu (Boom Camera). - Ray (Doll Camera). - Bàn ghế trường quay. - Đèn trường quay	1
6	Phòng thực hành quay phim (Trường quay ảo)	- Máy quay HD HXC-FB75KC. - Bộ điều khiển máy quay HXCU-FB70. - Hệ thống nhắc lời QPRO17. - Hệ thống bàn trộn hình HVS-110. - Hệ thống chuyển mạch tín hiệu 1616HD-3G. - Hệ thống kiểm tra tín hiệu Video (Tivi KD-43X8000E). - Hệ thống trường quay ảo 3D thời gian thực. - Hệ thống phát file. - Hệ thống streaming, quản lý khai thác tư liệu video, truyền hình hội tụ.	1

		- Hệ thống thu ghi tín hiệu. - Thiết bị thu/phát tín hiệu. - Hệ thống xử lý tín hiệu và tạo xung đồng bộ. - Hệ thống thiết bị intercom và audio. - Hệ thống ánh sáng trường quay. - Bàn ghế sofa dùng cho talkshow .	
7	Phòng thực hành dựng hình.	- Máy quay XDCAM HD422. - Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Máy in khổ A3.	1
8	Phòng thực hành học Ngoại ngữ (LAB)	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Tai nghe.	4
9	Phòng thực hành Xuất bản	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Máy Scan. - Máy Phôtô.	1
10	Phòng thực hành Báo mạng điện tử	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Tai nghe.	1
11	Phòng thực hành tin học	- Máy tính bàn. - Máy chiếu.	4

Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	251	18.024
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	1.450
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	10	1.317
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	57	3.990
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	29	1.362
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	100
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	153	9.805
2	Thư viện, trung tâm học liệu	6	3.914
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	17	3.709
4	Nhà để xe	02	404
5	Nhà Y tế	02	120
6	Nhà ở KTX (phòng)	453	23.723
7	Khu thể thao	3	6.039
8	Khu dịch vụ	4	3.392
9	Phòng chờ GV	10	350
10	Khu WC	10	420
	Tổng		60.095

16.2. Học liệu phục vụ học tập giảng dạy (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

Trung tâm Thông tin khoa học của Học viện có các sách chuyên khảo, tài liệu phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, học tập các ngành. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng như: Phòng đọc sách, phòng đọc tạp chí, phòng mượn, phòng ngoại văn. Hoạt động nghiệp vụ thư viện đã được tin học hóa giúp cho việc khai thác và quản lý tư liệu được hiệu quả. Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại

trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: <http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace>.

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1.	Khối ngành III	3.097 tài liệu, trong đó 1.996 tài liệu in, 1131 tài liệu số.
2.	Khối ngành VII	36.251 tài liệu, trong đó: 27.132 tài liệu in; 9,119 tài liệu số.

16.3. Thống kê giáo trình, bài giảng

TT	Phân loại	Số lượng	Ghi chú
1	Giáo trình in sách	12 cuốn	
2	Giáo trình nội bộ	40 cuốn	
3	Sách chuyên khảo/ tham khảo	56 cuốn	
4	Đề cương bài giảng	203 bộ	

17. Một số lưu ý về thực hiện chương trình

- Hướng dẫn về mốc thời gian bắt đầu thực hiện chương trình, các quy định chuyển tiếp.
- Sinh viên được học tích lũy trước 15 tín chỉ của chương trình đào tạo thạc sĩ
- Sinh viên được xét tuyển học song bằng khi tích lũy đủ 30 tín chỉ trong CTĐT ngành thứ nhất
- Xác định các học phần tương đương với các học phần được điều chỉnh về nội dung, tên gọi, số tín chỉ hoặc các học phần thay thế cho học phần không còn được tổ chức đào tạo trong chương trình mới.
 - + Sinh viên sử dụng môn học thay thế tương đương với các học phần tự chọn trong chương trình khung
 - + Môn học cũ nhưng nay tăng số tín chỉ thì phải học môn học đó với số tín chỉ mới
 - + Môn học được gộp với số tín chỉ cao hơn trong chương trình mới thì phải học môn học thay thế trong chương trình khung

+ Đối với những sinh viên học lại, học song bằng, nếu không tổ chức được lớp cho những môn học bắt buộc trong chương trình cũ có thể học các học phần tương đương hoặc thay thế, cụ thể như sau:

TT	Học phần cũ (chương trình 2022)			Học phần tương đương, thay thế (chương trình 2024)		
	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
	Kiến thức giáo dục đại cương					
	<i>Bắt buộc</i>					
1	QQ56011	Viết luận Tiếng Anh (Academic Writing)	2.0	CT01001	Chính trị học đại cương	2
	<i>Tự chọn</i>					
2	TT51002	Lịch sử văn minh thế giới	2.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức giáo dục đại cương để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		
3	NN51015	Bồi dưỡng kỹ năng Tiếng Anh	2.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức giáo dục đại cương để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		

4	QT51001	Quan hệ quốc tế đại cương	2.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức giáo dục đại cương để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		
Kiến thức cơ sở ngành						
Bắt buộc						
5	QQ52003	Lý thuyết truyền thông và quan hệ công chúng	3	BC02801	Lý thuyết truyền thông	3
6	QQ56002	Nhập môn Quan hệ công chúng và Quảng cáo	3	QQ02101	Nhập môn quan hệ công chúng và quảng cáo	3
7	QQ56001	Marketing	3	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông	3
8	QQ52001	Kỹ năng xã hội 1 – Thể chất	3	QQ51001	Quan hệ quốc tế	2
				XB02601	Nghệ vụ biên tập báo chí truyền thông	2
9	QQ56003	Nhập môn truyền thông tiếp thị tích hợp IMC	3	QQ56003	Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)	3

	Tự chọn					
10	QQ52004	Ngôn ngữ truyền thông	3.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức cơ sở ngành để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		
11	QQ56005	Truyền thông xã hội	3.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức cơ sở ngành để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		
12	QQ52005	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý	3.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức cơ sở ngành để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		
13	QQ56004	Truyền thông quốc tế	3.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức cơ sở ngành để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		
	Kiến thức ngành					
	Bắt buộc					
14	QQ53015	Xây dựng và quản trị thương hiệu	3.0	QQ53015	Xây dựng và quản trị thương hiệu	3

26	QQ53008	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng	3.0	QQ53008	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông	3
27	QQ53005	Kỹ năng xã hội 3 – Lễ tân ngoại giao và Hồ sơ xin việc	3.0	QQ42029 QQ42028	Hồ sơ và phỏng vấn tuyển dụng Kỹ năng viết cho PR và quảng cáo	2 2
<i>Tự chọn</i>						
28	QQ53014	Văn hóa doanh nghiệp	3.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức chuyên ngành để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		
29	QQ53013	Vận động hành lang trong quan hệ công chúng	3.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức chuyên ngành để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		
30	QQ56006	Gây quỹ	3.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức chuyên ngành để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		
31	QQ56009	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - CSR	3.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức chuyên ngành để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		

32	QQ56010	Truyền thông quảng bá ngôi sao	3.0	Chọn học 1 học phần tự chọn khác thuộc Kiến thức chuyên ngành để đảm bảo đủ tín chỉ tích lũy		
Kiến tập, thực tập, khoá luận tốt nghiệp						
33	QQ54014	Thực tế kinh tế - xã hội	5.0	QQ02608	Thực tế chính trị - xã hội	2
				QQ03480	Kiến tập nghề nghiệp	4

18. Bản đối sánh giữa các phiên bản của CTĐT (phiên bản được ban hành trước đó và phiên bản hiện tại)

TT	Tiêu chí (theo Thông tư 08/2011-TT-BGDĐT)	Chương trình năm 2022	Chương trình năm 2024	Ghi chú (Giống/khác nhau, lý giải nguyên nhân, căn cứ của việc điều chỉnh)
1	Mục tiêu chung	Đào tạo, bồi dưỡng cử nhân ngành QHCC hàng đầu có năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực truyền thông - marketing và QHCC; có kiến thức chuyên môn sâu, rộng; có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phân biện, có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, làm việc trong môi trường công nghệ cao và hội nhập quốc tế; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng HCM, yêu nước, trung thành với mục tiêu và lý tưởng của Đảng; có năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời.	Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng ở bậc đại học ngành quan hệ công chúng, chuyên ngành truyền thông marketing; có khả năng vận dụng những kiến thức lý thuyết vào thực tiễn hoạt động truyền thông, quan hệ công chúng, quảng cáo và marketing của các cơ quan Nhà nước, tổ chức Phi chính phủ, doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế đa quốc gia; có khả năng đáp ứng những yêu cầu về trình độ nghiệp vụ chuyên môn và ngoại ngữ; đồng thời có thể học tiếp ở trình độ sau đại học trong nước và quốc tế.	- Rút gọn lại mục tiêu; - Nhấn mạnh hơn vào “chuyên ngành truyền thông marketing”; - Nhấn mạnh thêm về các cơ sở, tổ chức, doanh nghiệp mà người học có thể vận dụng kiến thức; - Bổ sung thêm trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và khả năng học tiếp sau

				đại học.
	Mục tiêu cụ thể	Có 12 mục tiêu cụ thể, trong đó gồm: - 4 mục tiêu kiến thức - 8 mục tiêu kỹ năng và mức độ tự chủ	Có 10 mục tiêu cụ thể, trong đó gồm: - 4 mục tiêu kiến thức - 6 mục tiêu kỹ năng và mức độ tự chủ	- Rút ngắn mục tiêu từ 12 xuống còn 10 mục tiêu; - Cập nhật và nhấn mạnh vào những kiến thức, kỹ năng thực sự cần thiết với xu hướng của ngành hiện tại và tương lai;
	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây: - Nhân viên tại các công ty truyền thông chuyên nghiệp trong và ngoài nước. - Cán bộ truyền thông, QHCC, Marketing cho các tổ chức của Nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ. - Cán bộ nghiên cứu khoa học QHCC và hoạt động thực tiễn. - Cán bộ tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo, quản lý công tác báo chí truyền thông.	Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây: - Nhân viên tại các công ty truyền thông chuyên nghiệp, các công ty tư vấn/cung cấp dịch vụ quan hệ công chúng C và truyền thông marketing trong và ngoài nước. - Cán bộ truyền thông, quan hệ công chúng, marketing cho các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ. - Cán bộ nghiên cứu khoa học trong các viện, các công ty nghiên cứu trong nước hoặc toàn cầu về quan hệ công chúng và truyền thông marketing. - Chuyên viên phân tích, dự báo, tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo, quản lý công tác báo chí truyền	- Cụ thể và cập nhật hơn với xu hướng nghề nghiệp của ngành; - Bổ sung thêm và viết rõ hơn một số cơ hội nghề nghiệp đặc thù, nhấn mạnh vào tính linh hoạt, đa năng của người học sau khi tốt nghiệp như nghề tự do, nghề sáng tạo nội dung,...

			thông. - Nhà sản xuất sản phẩm truyền thông có công việc tự do (Freelancer), nhà sáng tạo nội dung độc lập trên các nền tảng mạng xã hội (Content Creator), ...	
	Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường	Trình bày về yêu cầu ngoại ngữ và tin học.	- Khả năng học tập và tích lũy kiến thức thực tiễn liên quan đến ngành, nghề: người học tốt nghiệp có khả năng vận dụng tốt chuyên môn được học trong chương trình vào các vị trí việc làm phù hợp với ngành, nghề, từ đó trau dồi thêm kinh nghiệm thực tế, kiến thức xã hội, kỹ năng mềm để tiếp tục phát triển trong tương lai. - Khả năng tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo sau đại học: Người học tốt nghiệp có thể tiếp tục nâng cao kiến thức lý thuyết lẫn thực hành thông qua việc học thêm các chương trình đào tạo sau đại học như Thạc sĩ, các chứng chỉ, văn bằng trong nước và quốc tế. - Nâng cao trình độ tiếng Anh và tin học, đặc biệt liên quan đến lĩnh vực Quan hệ công chúng, truyền thông, marketing nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của công việc.	- Nhấn mạnh vào khả năng học tập, khả năng vận dụng, tích lũy kinh nghiệm của người học sau khi tốt nghiệp; - Bổ sung thêm về khả năng học tiếp tại các chương trình sau đại học, chứng chỉ, văn bằng;
2	Căn cứ xây dựng chương trình	Về các chương trình đào tạo tham khảo: - Chương trình đào tạo trong nước: Chương trình cử nhân chất lượng cao ngành Truyền thông Marketing của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo (Khoa	Về các chương trình đào tạo tham khảo: - Các chương trình đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền:	- Cập nhật toàn bộ thông tin cho phù hợp với thời điểm năm 2024.

		QHCC-QC), Học viện Báo chí và Tuyên truyền, năm 2020 - Chương trình quốc tế: Chương trình cử nhân quốc tế Quảng cáo, QHCC và truyền thông của Đại học Middlesex Vương Quốc Anh tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, năm 2020 <i>Kết quả khảo sát nhu cầu xã hội</i> Đưa thông tin về kết quả khảo sát nhà tuyển dụng, giảng viên, sinh viên vào các năm trước. <i>Các căn cứ pháp lý</i> Đưa thông tin căn cứ pháp lý phù hợp với thời điểm năm 2022.	+ Chương trình cử nhân ngành Quan hệ công chúng chuyên nghiệp của Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo (Khoa QHCC-QC), Học viện Báo chí và Tuyên truyền, năm 2022. - Các chương trình đào tạo cùng ngành hoặc ngành gần của các trường đại học trong nước, các trường đại học nước ngoài: + Chương trình đào tạo Cử nhân ngành Truyền thông Đa phương tiện của Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc Gia Hà Nội. + Chương trình cử nhân quốc tế Quảng cáo, Quan hệ công chúng và Truyền thông/Thương hiệu của Đại học Middlesex Vương Quốc Anh tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, năm 2022. <i>Kết quả khảo sát nhu cầu xã hội</i> Đưa thông tin về kết quả khảo sát nhà tuyển dụng, giảng viên, sinh viên, sinh viên tốt nghiệp vào các năm 2022, 2023. <i>Các căn cứ pháp lý</i> Cập nhật thông tin căn cứ pháp lý phù hợp với thời điểm năm 2024.	
3	Chuẩn đầu ra	Có 17 chuẩn đầu ra, trong đó gồm: - 7 PLO về kiến thức - 7 PLO về kỹ năng - 3 PLO về năng lực tự chủ và trách nhiệm	Có 15 chuẩn đầu ra, trong đó gồm: - 7 PLO về kiến thức - 5 PLO về kỹ năng - 3 PLO về mức độ tự chủ và trách nhiệm	- Cập nhật toàn bộ CĐR cho phù hợp với yêu cầu thực tế của ngành, nghề, lĩnh vực; - Rút ngắn gọn từ 17 CĐR thành 15 CĐR; - Rút gọn và tách riêng về trình độ ngoại ngữ, tin

				học; - Bổ sung năng lực nhận diện, phân bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ tư tưởng của đảng. - Bổ sung thêm nhiều những thuật ngữ, kỹ năng cho phù hợp và đáp ứng với yêu cầu của thực tế.
4	Ma trận liên kết mục tiêu, CDR, Khung trình độ quốc gia	Đã có theo mục tiêu và CDR của năm 2022.	Cập nhật theo đúng quy định cho năm 2024.	- Bổ sung ma trận để làm rõ mối tương quan giữa các mục; - Chi tiết và chuẩn xác hơn, sát với hơn khung trình độ quốc gia.
5	Chuẩn đầu vào	Trình bày dưới mục đối tượng tuyển sinh.	Đối tượng: Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương. Tiêu chí, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh: thực hiện theo Đề án tuyển sinh và Quy chế tuyển sinh từng năm của Học viện.	- Rút gọn cách viết;
6	Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	Trình bày theo thời gian tốt nghiệp. Thời gian: 4 năm	Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp thực hiện theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.	- Rút gọn cách viết;
7	Sơ đồ cây	Đã có tuy nhiên chưa thể hiện rõ được điều kiện tiên quyết các môn.	Vẽ sơ đồ cây theo từng học kỳ.	- Bổ sung và cập nhật sơ đồ cây;
8	Nội dung chương trình	Tổng 130 tín chỉ, trong đó: - Kiến thức giáo dục đại cương: 40 tín chỉ, gồm: 11 tín chỉ về Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ	Tổng 130 tín chỉ, trong đó: - Kiến thức giáo dục đại cương: 44 tín chỉ, gồm: 11 tín chỉ về Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ	- Kiến thức giáo dục đại cương: Ngoại ngữ: bổ

	Chí Minh; 11 tín chỉ về Khoa học xã hội và nhân văn, tin học (7 tín bắt buộc và 4 tín tự chọn); 15 tín chỉ ngoại ngữ (tiếng Anh); 3 tín chỉ tin học - <i>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 65 tín chỉ, gồm:</i> <u>Kiến thức cơ sở ngành 18 tín chỉ</u> <i>Bắt buộc 15 tín chỉ</i> Lý thuyết truyền thông và quan hệ công chúng Nhập môn Quan hệ công chúng và Quảng cáo Marketing Kỹ năng xã hội 1 – Thể chất Nhập môn truyền thông tiếp thị tích hợp IMC <i>Tự chọn 3 tín chỉ</i> Ngôn ngữ truyền thông Truyền thông xã hội Luật và đạo đức báo chí truyền thông Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý Truyền thông quốc tế <u>Kiến thức ngành 12 tín chỉ</u> <i>Bắt buộc 9 tín chỉ</i> Xây dựng và quản trị thương hiệu Thiết kế trình bày các sản phẩm truyền thông Nghiên cứu và đánh giá trong truyền thông <i>Tự chọn 3 tín chỉ</i> Quan hệ báo chí Chiến dịch truyền thông <u>Kiến thức chuyên ngành 23 tín chỉ</u> <i>Bắt buộc 20 tín chỉ</i> Chiến lược Marketing	Chí Minh; 15 tín chỉ về Khoa học xã hội và nhân văn (9 tín bắt buộc và 6 tín tự chọn); 3 tín chỉ tin học và 15 tín chỉ ngoại ngữ (tiếng Anh hoặc tiếng Trung) - <i>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 86 tín chỉ, gồm:</i> <u>Kiến thức cơ sở ngành 21 tín chỉ</u> <i>Bắt buộc 15 tín chỉ</i> Lý thuyết truyền thông Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông Nhập môn quan hệ công chúng và quảng cáo Quan hệ quốc tế Nghiệp vụ biên tập báo chí truyền thông Thực tế chính trị - xã hội <i>Tự chọn 6 tín chỉ</i> Hành vi khách hàng Kỹ năng tranh biện Truyền thông-marketing trên mạng xã hội Quan hệ báo chí Các chuyên đề truyền thông - marketing Lễ tân ngoại giao Ngôn ngữ truyền thông Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý Xây dựng thương hiệu cá nhân Truyền thông dữ liệu <u>Kiến thức ngành 31 tín chỉ</u> <i>Bắt buộc 25 tín chỉ</i> Công chúng báo chí – truyền thông Dẫn chương trình Xây dựng và quản trị thương hiệu	sung tiếng Trung - Kiến thức cơ sở ngành: Cập nhật một số môn cho phù hợp với toàn trường; - Bổ sung thêm một số môn để bắt kịp xu hướng: Truyền thông-marketing trên mạng xã hội; Truyền thông dữ liệu; Xây dựng thương hiệu cá nhân; - Kiến thức ngành: Bổ sung các môn chung, giúp người học có thêm nhiều kiến thức đa dạng, chuyên sâu cho ngành như: dẫn chương trình, xuất bản điện tử, truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại; - Sắp xếp lại môn, bổ sung môn Ứng dụng công nghệ số trong truyền thông – marketing để bắt kịp xu hướng. - Kiến thức chuyên ngành: Thay đổi, cập nhật một số
--	--	---	---

	Sáng tạo nội dung Sản xuất sản phẩm truyền thông Hành vi khách hàng Tổ chức sự kiện Các chuyên đề truyền thông Kỹ năng xã hội 2 – Tranh biện <i>Tự chọn 3 tín chỉ</i> Văn hóa doanh nghiệp Vận động hành lang trong quan hệ công chúng <u>Kiến thức bổ trợ 12 tín chỉ</u> <i>Bắt buộc 9 tín chỉ</i> Kỹ năng bán hàng Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng Kỹ năng xã hội 3 – Lễ tân ngoại giao và Hồ sơ xin việc <i>Tự chọn 3 tín chỉ</i> Gây quỹ Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - CSR Truyền thông quảng bá ngôi sao <u>Kiến tập, thực tập, khóa luận tốt nghiệp 25 tín chỉ</u> Thực tế kinh tế - xã hội 5 tín Thực tập nghề nghiệp 10 tín Khóa luận tốt nghiệp/Tác phẩm tốt nghiệp 10 tín	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại Xuất bản điện tử Marketing Nghiên cứu và phân tích dữ liệu truyền thông – marketing Thiết kế sản phẩm truyền thông – marketing Kiến tập nghề nghiệp <i>Tự chọn 6 tín chỉ</i> Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC) PR chuyên nghiệp Viết lời quảng cáo Truyền thông nội bộ Văn hoá doanh nghiệp Kinh tế truyền thông Ứng dụng công nghệ số trong truyền thông – marketing <u>Kiến thức chuyên ngành 28 tín chỉ</u> <i>Bắt buộc 22 tín chỉ</i> Chiến lược Marketing Sáng tạo nội dung truyền thông – marketing Kỹ năng viết cho PR và quảng cáo Sản xuất sản phẩm truyền thông -marketing Marketing kỹ thuật số Dự án truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC) Hồ sơ và phòng vấn tuyển dụng Thực tập tốt nghiệp <i>Tự chọn 6 tín chỉ</i> Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông Quản trị bán hàng và quan hệ khách hàng Vận động hành lang trong PR	môn như: Nghiên cứu và phân tích dữ liệu truyền thông – marketing Sáng tạo nội dung truyền thông – marketing Dự án truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC) Hồ sơ và phòng vấn tuyển dụng Chiến dịch truyền thông - marketing - Khóa luận, tác phẩm tốt nghiệp/ học phần thay thế KL Học phần thực tế kinh tế - xã hội được tách ra gồm thực tế và kiến tập; Học phần thực tập giảm còn 3 tín và thuộc kiến thức chuyên ngành Học phần khóa luận tốt nghiệp giảm còn 6 tín, bổ sung học phần thay thế.
--	---	--	--

			Chiến dịch truyền thông -marketing Truyền thông gây quỹ Truyền thông quảng bá ngôi sao <u>Khoá luận, tác phẩm tốt nghiệp/ học phần thay thế</u> <u>KL 6 tín chỉ</u> Khóa luận tốt nghiệp/Tác phẩm tốt nghiệp 6 tín Học phần thay thế 6 tín Quản trị sự kiện Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR)	
9	Ma trận liên kết học phần với CĐR của CTĐT	Chưa có	Đã có và cập nhật theo CTĐT 2024	- Bổ sung và cập nhật ma trận;
10	Kế hoạch giảng dạy dự kiến	Phân bổ theo kỳ	Phân bổ theo kỳ và cập nhật	- Thay đổi theo cập nhật môn mới;
11	Phương pháp giảng dạy và học tập	Đã có bảng phương pháp dạy và học	Chỉnh sửa bảng phương pháp giảng dạy và học tập ứng với CĐR chương trình	- Bổ sung thông tin;
12	Hình thức kiểm tra đánh giá	Kẻ bảng cho từng môn.	Kẻ bảng hình thức kiểm tra đánh giá cho từng môn.	- Bổ sung chi tiết thông tin cho từng học phần; - Bổ sung hình thức trực tuyến;

13	Điều kiện đội ngũ	Chưa có đầy đủ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng.	Liệt kê đội ngũ giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng	- Bổ sung chi tiết thông tin về đội ngũ giảng viên;
14	Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ; Học liệu;	Trình bày dưới dạng tóm tắt thông tin	Kê bảng thông tin chi tiết số liệu	- Bổ sung thông tin, cập nhật trang thiết bị, học liệu, giáo trình, bài giảng;
15	Một số lưu ý về thực hiện chương trình	Trình bày dưới dạng kế hoạch điều chỉnh chương trình	Kê bảng liệt kê các học phần tương đương, thay thế	- Bổ sung thông tin theo bảng yêu cầu;
16	Bản đối sánh	Đã có bảng đối sánh.	Kê bảng đối sánh chi tiết hơn.	- Bổ sung thông tin vào bảng đối sánh.
17	Đề cương chi tiết học phần	ĐCCT được làm theo các mục khá giống với năm 2020 mặc dù cũng đã bổ sung thêm ma trận và có phân bổ giờ tín chỉ khác, cũng như thêm giờ tự học.	ĐCCT được cập nhật theo mẫu mới với các mục chi tiết và rõ ràng hơn với phân bổ tín chỉ LT; TH; tự học. Đồng thời ĐCCT cũng được thiết kế khoa học, tinh gọn hơn.	- Ghi rõ hơn đội ngũ giảng viên phụ trách; - Làm rõ các ma trận liên kết; - Tóm tắt lại mục tiêu, chuẩn đầu ra môn học; - Cập nhật học liệu cũng như nội dung môn;

19. Mô tả các học phần (Đính kèm đcct)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mô tả học phần (Tóm tắt)	Ghi chú
1	TM01012	Triết học Mác-Lênin	Học phần giới thiệu chung về triết học và vai trò của triết học trong đời sống, những nội dung cơ bản của triết học Mác - Lênin, như: Vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức, hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, vấn đề con người	
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học phần trang bị kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá cả, cạnh tranh, cung cầu, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy, tuần hoàn, chu chuyển của tư bản, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay, tư bản nông nghiệp, địa tô tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền, sở hữu, thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ...	
3	CN01001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã	

			hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.	
4	LS01001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần trang bị những kiến thức về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học; sự ra đời của Đảng CSVN (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), đối với các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975) và đối với công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên CNXH (1975-2018); và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam (1930-2018).	
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; về nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo đức và văn hóa.	
6	NP01001	Pháp luật đại cương	Học phần trang bị những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến	

			thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.	
7	CT01001	Chính trị học đại cương	Học phần trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định	
8	XD01001	Xây dựng Đảng	Học phần trang bị các kiến thức về vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.	
9	TG01004	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa	

			chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.	
10	TT01002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học phần trang bị những nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...	
11	PT02501	Các loại hình báo chí - truyền thông	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về báo chí học như: nhà báo, tác phẩm báo chí, đặc trưng loại hình phương tiện (truyền hình – phát thanh, báo in, báo mạng), cơ chế tác động báo chí, vài hướng nghiên cứu về công chúng. Môn học này hướng đến việc giúp người học tự đưa ra quan điểm cá nhân trước bất kỳ sự việc, hiện tượng, vấn đề nào nảy sinh trong cuộc sống, và sắp xếp, trình bày nó một cách logic, có sức thuyết phục. Kết hợp với các yếu tố về phương pháp tư duy sáng tạo tác phẩm báo chí, đặc trưng của từng loại hình phương tiện người học có thể rèn luyện kỹ năng tự sáng tạo tác phẩm của riêng mình.	

12	QT02560	Địa chính trị thế giới	Học phần trang bị những nội dung cơ bản về vị trí chiến lược của địa lý các khu vực và châu lục trên thế giới: các đặc điểm địa - chính trị; sự vận động - địa chính trị các châu lục, khu vực trên thế giới qua từ chiến tranh thế giới lần hai nhất đến nay; Địa - chính trị Việt Nam; địa - chính trị của biển và địa - chính trị biển Đông.	
13	TG01025	Tâm lý học dạy học đại học	Học phần trang bị cho sinh viên tri thức tâm lý cơ bản để tiến hành tổ chức, thực hiện hoạt động dạy học có hiệu quả. Đồng thời hình thành tình cảm nghề nghiệp, có thái độ tích cực trong rèn luyện, tu dưỡng nhân cách để trở thành giảng viên giỏi trong tương lai.	
14	TG01007	Tâm lý học xã hội	Học phần trang bị cho sinh viên các tri thức cơ bản của tâm lý học xã hội nhằm phát hiện, lý giải và hình thành các tác động đối với các hiện tượng tâm lý xã hội, củng cố niềm tin trong việc tổ chức có hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp tương lai. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội và xây dựng các chiến lược truyền thông nhằm phát triển các mối quan hệ xã hội tốt đẹp.	
15	XB40101	Tiếng Việt thực hành	Học phần trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản, khái	

			quát về lý thuyết tiếng Việt và thực hành tiếng Việt. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện, sáng tạo sản phẩm báo chí bằng ngôn từ.	
16	QQ02508	PR và các phương tiện truyền thông sáng tạo	Học phần trang bị những kiến thức chung về quan hệ công chúng, các phương tiện truyền thông; cách sử dụng các phương tiện truyền thông sáng tạo trong hoạt động quan hệ công chúng. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng hợp, một cái nhìn toàn cảnh về mối quan hệ giữa quan hệ công chúng với các phương tiện truyền thông sáng tạo. Môn học được xây dựng để làm cơ sở cho sinh viên nghiên cứu các môn chuyên ngành.	
17	BC02235	Truyền thông đa phương tiện	Học phần trang bị cho sinh viên về truyền thông đa phương tiện, mối quan hệ giữa báo chí và đa phương tiện, làm thế nào để tích hợp các sản phẩm đa phương tiện vào báo chí. Trên cơ sở thực tiễn, sinh viên sẽ tìm hiểu một số kỹ thuật và sản phẩm đa phương tiện hiện đại và cách xây dựng một kênh đa phương tiện hiệu quả.	
18	XH01001	Xã hội học đại cương	Học phần trang bị những kiến thức chung về bộ môn xã hội học: Đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, hệ thống khái niệm và	

			lý thuyết, phương pháp nghiên cứu, một số chuyên ngành nghiên cứu của xã hội học chuyên biệt.	
19	ĐC01005	Tin học ứng dụng	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về CNTT; sử dụng máy tính và mạng; sử dụng các phần mềm xử lý văn bản (Microsoft Word,...), xử lý bảng tính (Microsoft Excel,...), thiết kế trình chiếu (Microsoft PowerPoint,...) và yêu cầu sinh viên làm bài tập ứng dụng.	
20	NN01015	Tiếng Anh học phần 1	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong các bài học tiếng Anh.	
21	NN01016	Tiếng Anh học phần 2	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói. Cung cấp từ vựng để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.... Cách cấu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ vựng. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiền trung cấp và	

			trung cấp.	
22	NN01017	Tiếng Anh học phần 3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện...Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết thông qua các dạng bài tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.	
23	NN01023	Tiếng Anh học phần 4	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ, kỹ năng thực hành tiếng. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp (Intermediate). Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Anh theo các dạng thức đề thi hiện đang được sử dụng tại Việt Nam.	
24	NN01019	Tiếng Trung học phần 1	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán.... Rèn	

			luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.	
25	NN01020	Tiếng Trung học phần 2	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ điểm thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiền trung cấp.	
26	NN01021	Tiếng Trung học phần 3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ điểm gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.	
27	NN01024	Tiếng Trung học phần 4	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các bình diện ngôn ngữ tiếng Hán, các kỹ năng thực hành tiếng Hán. Từng bước trang bị một số lượng từ vựng liên quan đến các lĩnh vực học tập chuyên môn thuộc các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết	

			ở mức độ trung cấp. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK4 cho sinh viên đáp ứng chuẩn đầu ra	
28	BC02801	Lý thuyết truyền thông	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức chung về mô hình và lý thuyết truyền thông; truyền thông liên cá nhân, truyền thông đại chúng và mạng xã hội; truyền thông trong khủng hoảng; chu trình truyền thông, lập kế hoạch truyền thông; giám sát, đánh giá và duy trì hoạt động truyền thông. Những kỹ năng và nguyên lý truyền thông thông qua phân tích các chiến dịch, kế hoạch truyền thông trong thực tế và thực hành lập kế hoạch chương trình/ chiến dịch truyền thông nhằm thay đổi nhận thức, truyền thông vận động và truyền thông thay đổi hành vi.	
29	PT02306	Pháp luật và đạo đức báo chí - truyền thông	Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, hệ thống và cập nhật về pháp luật liên quan đến hoạt động truyền thông; các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực truyền thông, quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền thông; tự do ngôn luận, tự do ngôn luận trên báo chí; địa vị pháp lý của báo chí và nhà báo; Quan niệm về đạo đức nghề nghiệp báo chí truyền thông; cơ sở quy định đạo đức nghề nghiệp; các quy ước đạo đức nghề nghiệp; tiêu chí đánh giá về đạo đức nghề nghiệp; vấn đề tư	

			dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của nhà báo - nhà truyền thông...	
30	QQ02101	Nhập môn quan hệ công chúng và quảng cáo	Học phần giúp sinh viên hiểu được cơ sở lý luận, các mô hình truyền thông được sử dụng trong hai lĩnh vực này, phân biệt được các hoạt động quan hệ công chúng và các loại hình quảng cáo...; hình thành được kỹ năng phân tích, đánh giá và bước đầu lập kế hoạch một số hoạt động quan hệ công chúng, quảng cáo như: quan hệ với báo chí, chiến dịch quan hệ công chúng và quảng cáo,...; từ đó có thái độ đúng đắn, khách quan, khoa học khi tham gia nghiên cứu và thực hiện các hoạt động quan hệ công chúng và quảng cáo.	
31	QT51001	Quan hệ quốc tế	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về quan hệ quốc tế, có kỹ năng phân tích, đánh giá được một số nội dung cốt lõi có liên quan đến quan hệ quốc tế; có nhận thức đúng đắn về một số vấn đề quan hệ quốc tế cơ bản cũng như về đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	
32	XB02601	Nghệp vụ biên tập báo chí truyền thông	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ biên tập. Người học có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học để biên tập các loại hình, sản phẩm của báo chí	

			truyền thông. Đồng thời, học phần sẽ hình thành cho sinh viên năng lực tư duy phân tích, tổng hợp và tinh thần hợp tác nhóm, định hướng công việc chuyên môn.	
33	QQ02608	Thực tế chính trị - xã hội	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có được những nhận thức sâu sắc, các kiến thức thực tế về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội của Việt Nam và nước ngoài; đồng thời có cơ hội trải nghiệm, học hỏi thêm những vấn đề mới thuộc lĩnh vực quan hệ công chúng, quảng cáo marketing... Học phần cũng hình thành cho sinh viên kỹ năng quan sát, phân tích và đánh giá các hoạt động quan hệ công chúng và quảng cáo, giúp nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn trong thực tế.	
34	QQ42020	Hành vi khách hàng	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hành vi khách hàng bao gồm: khái niệm, quy trình ra quyết định mua, tâm lý học ảnh hưởng đến quyết định mua và lựa chọn thương hiệu/sản phẩm, các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi, khả năng nghiên cứu hành vi khách hàng để phục vụ cho việc ra các quyết định marketing... Học phần cũng hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, phân biện và đánh giá các hành vi mua của khách hàng trong thực tế.	

35	QQ42021	Kỹ năng tranh biện	Người học nắm được kiến thức cơ bản về giao tiếp, phát ngôn trước công chúng và tranh biện như: Khái niệm, đặc tính và các hình thức tư duy, kỹ năng nói trước đám đông, kỹ năng thuyết trình, phương pháp lập luận và tranh luận; quy trình tổ chức tranh biện; các yếu tố quan trọng của tranh biện; Xác định luận chứng trong khi tranh biện, xác định lỗ hổng trong lập luận. Hành vi phi ngôn ngữ trong giao tiếp và tranh biện; những điều cần tránh trong khi tranh biện, thực hành tổ chức đàm phán... Người học có các kiến thức cơ bản về phát ngôn trước công chúng, có kỹ năng đàm phán, thuyết trình và giao tiếp trước công chúng; có khả năng tư duy logic khéo léo, nhanh nhạy, phù hợp trong phát ngôn trước công chúng. Người học có thái độ tích cực, cầu thị trong đàm phán cũng như phát ngôn trước công chúng.	
36	QQ42022	Truyền thông-marketing trên mạng xã hội	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng truyền thông trên mạng xã hội bao gồm những hiểu biết về mạng xã hội, các thể loại mạng xã hội, công chúng trên mạng xã hội, hành vi tiếp nhận truyền thông của công chúng trên mạng xã hội, đặc tính truyền thông trên mạng xã hội, các cách thức, chiến lược, nội dung truyền thông thực hiện trên mạng xã hội,	

			những vấn đề về xu hướng truyền thông trên mạng XH như truyền thông kể chuyện, viral, truyền thông tương tác. Các vấn đề khủng hoảng truyền thông trên mạng xã hội, cách thức xử lý. Các vấn đề đạo đức của người làm truyền thông. Các năng lực, kỹ năng xử lý thông tin trên mạng xã hội, năng lực, kỹ năng phát hiện tin giả, năng lực chọn lọc thông tin, các năng lực về an toàn và an ninh mạng cho người sử dụng.	
37	QQ42023	Quan hệ báo chí	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về hoạt động báo chí tại Việt Nam hiện nay và mối quan hệ qua lại giữa báo chí và PR; hình thành kỹ năng cơ bản về hoạt động quan hệ với báo chí của một người làm PR, truyền thông tại Việt Nam, được rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, đánh giá và dự đoán, dự báo, ứng dụng trong quan hệ báo chí - truyền thông; từ đó có được thái độ đúng đắn và ý thức tự giác về nghề nghiệp, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững môi trường truyền thông tại Việt Nam.	
38	QQ42024	Các chuyên đề truyền thông - marketing	Học phần cung cấp các kiến thức chuyên ngành truyền thông marketing theo các chuyên đề riêng biệt trong các lĩnh vực cụ	

			thể, đồng thời mở rộng các kiến thức, tiếp cận các xu hướng mới xuất hiện trong thực tế ngành truyền thông và quan hệ công chúng; hình thành kỹ năng phát hiện, phân tích và đánh giá các vấn đề trong môi trường làm việc thực tế thông qua việc nghiên cứu thực tế, gặp gỡ với những người thực hành nghề; có thái độ đúng đắn với môn học phục vụ cho việc định hướng phát triển con đường nghề nghiệp.	
39	QQ42025	Lễ tân ngoại giao	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lễ tân ngoại giao; biết cách giải quyết các nhiệm vụ chính trị, quản lý, luật pháp, tổ chức, phân tích thông tin và các vấn đề khác trong khuôn khổ đảm bảo các hoạt động nghề nghiệp của các cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực đối ngoại...; từ đó có thái độ tích cực, khách quan, đúng đắn trong việc triển khai các hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực đối ngoại góp phần nâng cao hình ảnh, uy tín quốc gia.	
40	QQ42026	Ngôn ngữ truyền thông	Sau khi học xong môn học này sinh viên nắm được kiến thức cơ bản ngôn ngữ truyền thông hiện đại; có thể sử dụng ngôn ngữ truyền thông hiện đại sáng tạo sản phẩm truyền thông; xác lập cách thức sử dụng ngôn ngữ truyền thông phù hợp với nhu cầu	

			của công chúng hiện đại; có ý thức sử dụng hiệu quả, tích cực và sáng tạo ngôn ngữ truyền thông trong các tác phẩm truyền thông; có ý thức bảo vệ và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt	
41	QQ43033	Truyền thông trong lãnh đạo, quản lý	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về truyền thông đại chúng, vai trò và sức mạnh truyền thông đại chúng trong các cơ quan quản lý của hệ thống cấu trúc chính trị Việt Nam. Môn học này hướng đến việc giúp người học kiến thức liên ngành như: cách Quốc hội sử dụng truyền thông đại chúng trong định hướng dư luận xã hội về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh. Hay cách đóng góp của người dân vào quá trình cải thiện chất lượng chính phủ thông qua truyền thông đại chúng.	
42	QQ43034	Xây dựng thương hiệu cá nhân	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nghiên cứu quá trình xây dựng và quản trị hình ảnh và thương hiệu cá nhân bao gồm: tạo dựng hình ảnh thương hiệu, phân tích thị trường; phân tích tình trạng của thương hiệu; định vị thương hiệu; kiểm nghiệm phương án mới; lập kế hoạch và đánh giá sự thực hiện. Môn học cũng giới thiệu các kiểu loại chiến lược hình ảnh và thương hiệu cá nhân điển hình và các hình thức tổ	

			chức bộ phận quản lý thương hiệu.	
43	QQ02301	Truyền thông dữ liệu	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ hiểu được tầm quan trọng của việc sử dụng dữ liệu trong truyền thông, nhận thức được lợi ích và hạn chế của nó, cũng như cách thức dữ liệu có thể được sử dụng để thuyết phục, truyền cảm hứng và kết nối với công chúng; có kỹ năng thu thập và phân tích dữ liệu cho mục đích truyền thông hiệu quả, bao gồm xác định các nguồn dữ liệu phù hợp, áp dụng các kỹ thuật thống kê và trực quan hóa dữ liệu; ứng dụng phân tích dữ liệu để xây dựng các thông điệp truyền thông thuyết phục, sáng tạo sản phẩm truyền thông, lựa chọn kênh truyền thông phù hợp; trình bày dữ liệu một cách hiệu quả, phù hợp với mục tiêu truyền thông và công chúng, đảm bảo tính rõ ràng, súc tích; biết cách đánh giá hiệu quả của việc sử dụng dữ liệu trong truyền thông, bao gồm đánh giá mức độ ảnh hưởng, xác định các điểm mạnh và điểm yếu trong việc sử dụng dữ liệu.	
44	BC02115	Công chúng báo chí – truyền thông	Môn học trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về công chúng báo chí - truyền thông, hoạt động tiếp nhận sản phẩm/ tác phẩm báo chí truyền thông của công chúng, công việc nghiên	

			cứu công chúng và tác động của công việc này với báo chí - truyền thông hiện đại. Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng phân tích, nghiên cứu công chúng, sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng cho hoạt động truyền thông phù hợp với các nhóm công chúng cụ thể, hình thành thái độ tích cực, chủ động, có trách nhiệm và trung thực trong lao động nghề nghiệp, hun đúc lòng yêu nghề, rút ra bài học về ý chí học tập, rèn luyện, tu dưỡng để đáp ứng yêu cầu về năng lực và phẩm chất của nhà báo, nhà truyền thông.	
45	PT03135	Dẫn chương trình	Học phần này giúp sinh viên (SV) lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về công việc dẫn chương trình trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình và sự kiện, bao gồm các nội dung cụ thể về: khái niệm, đặc điểm, vai trò của hoạt động dẫn chương trình phát thanh, truyền hình, sự kiện và của người dẫn chương trình phát thanh, truyền hình, sự kiện. Đồng thời, học phần cũng giúp cho sinh viên: nắm được kỹ năng cơ bản để dẫn chương trình nói chung và kỹ năng dẫn một số dạng chương trình cụ thể; hiểu được các dạng sự cố và cách xử lý khi dẫn chương trình; có khả năng phân tích, đánh giá một cách khách quan, khoa học hoạt động dẫn chương trình của đội ngũ người dẫn chương trình hiện	

			nay. Bên cạnh đó, học phần cũng rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng mềm như: thuyết trình, giao tiếp, và trang bị thái độ học hỏi và làm việc nghiêm túc trong môi trường giáo dục chuyên nghiệp.	
46	QQ53015	Xây dựng và quản trị thương hiệu	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nghiên cứu quá trình xây dựng và quản trị thương hiệu bao gồm: tạo dựng hình ảnh thương hiệu, phân tích thị trường; phân tích tình trạng của thương hiệu; định vị thương hiệu; kiểm nghiệm phương án mới; lập kế hoạch và đánh giá sự thực hiện. Môn học cũng giới thiệu các kiểu loại chiến lược thương hiệu điển hình và các hình thức tổ chức bộ phận quản lý thương hiệu. Môn học giúp người học hiểu được những công việc cụ thể của người làm marketing, xây dựng thương hiệu và vận dụng những kỹ năng để quản trị thương hiệu đó một cách hiệu quả	
47	QT02401	Truyền thông quốc tế và báo chí đối ngoại	Học phần nhằm trang bị tri thức cơ bản, có hệ thống về thông tin đối ngoại và hoạt động thông tin đối ngoại, giúp người học nắm vững cơ sở lý luận và thực tiễn của công tác thông tin đối ngoại Việt Nam, trên cơ sở đó góp phần nâng cao sự hiểu biết và củng cố niềm tin vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà	

			nước về thông tin đối ngoại. Học phần cũng trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản, có hệ thống về truyền thông quốc tế. Các lý thuyết truyền thông quốc tế gắn với thực tế hiện nay trên thế giới sẽ giúp sinh viên có một bức tranh về hệ thống truyền thông toàn cầu...	
48	XB02610	Xuất bản điện tử	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về xuất bản điện tử (XBĐT); kỹ năng xác định đề tài, xây dựng nội dung và lập kế hoạch xuất bản xuất bản phẩm điện tử. Đồng thời, học phần hình thành cho sinh viên năng lực tư duy phân tích, tổng hợp và tinh thần hợp tác nhóm, định hướng công việc chuyên môn.	
49	QQ43035	Marketing	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về marketing như khái niệm, lịch sử, vai trò, chức năng của marketing; chức danh, vị trí của người làm marketing; các khái niệm căn bản trong marketing; các quan điểm quản trị marketing; các thành phần cấu thành marketing hỗn hợp; hình thành kỹ năng tư duy, vận dụng lý thuyết vào phân tích môi trường kinh doanh vi mô, vĩ mô và đánh giá đối thủ cạnh tranh; có thái độ đúng đắn, khách quan, khoa học với môn học phục vụ	

			cho hoạt động nghề nghiệp.	
50	QQ43037	Nghiên cứu và phân tích dữ liệu truyền thông – marketing	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về nghiên cứu trong hoạt động truyền thông – marketing; hình thành kỹ năng thiết lập dự án và quản lý hoạt động nghiên cứu truyền thông - marketing nhằm trợ giúp việc ra các quyết định quản trị truyền thông - marketing của doanh nghiệp; có thái độ đúng đắn với môn học, từ đó hình thành thái độ nghiêm túc và chuyên nghiệp khi thực hành nghề.	
51	QQ43039	Thiết kế sản phẩm truyền thông – marketing	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ nắm được hệ thống lý thuyết và kỹ năng thiết kế, trình bày các sản phẩm truyền thông như logo, bao bì, tờ rơi, tờ gấp, quyển giới thiệu,... và các sản phẩm thiết kế trên báo in tạp chí, báo mạng điện tử. Ngoài ra, người học được rèn luyện khả năng phối hợp màu sắc, kỹ năng thiết kế, trình bày để vận dụng vào việc tổ chức xuất bản các sản phẩm truyền thông. Từ đó, người học có thái độ đúng đắn đối với môn học cũng như có tinh thần cầu thị khi tham gia vào môi trường làm việc thực tiễn.	
52	QQ03480	Kiến tập nghề nghiệp	Kiến tập nghề nghiệp là học phần bắt buộc đối với sinh viên	

			chuyên ngành Quan hệ công chúng và Quảng cáo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Kiến tập nghề nghiệp giúp sinh viên có kiến thức và kinh nghiệm về công việc thực tế, giúp sinh viên mở rộng mối quan hệ với những người làm nghề, qua đó sinh viên hình thành thái độ đúng đắn với công việc trong tương lai, mục tiêu lớn nhất là giúp sinh viên tìm được công việc đúng ngành sau khi tốt nghiệp.	
53	QQ56003	Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)	Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về các công cụ tích hợp giữa marketing và truyền thông, xác định mục tiêu, đối tượng, đưa ra thông điệp/ý tưởng sáng tạo và chọn kênh phù hợp cho một chiến dịch truyền thông tích hợp; hình thành kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá trong việc ứng dụng và tích hợp các công cụ truyền thông và marketing; có thái độ đúng đắn đối với môn học phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp.	
54	QQ43036	PR chuyên nghiệp	Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản về ngành quan hệ công chúng (PR), bao gồm nội hàm khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển, vai trò, nhiệm vụ, nguyên tắc tác nghiệp, công chúng của PR... Học phần cũng hình thành cho sinh viên	

			kỹ năng phân tích và đánh giá các hoạt động, sản phẩm quan hệ công chúng chuyên nghiệp, các vấn đề đạo đức và pháp lý trong lĩnh vực PR hiện nay; giúp nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn khi ứng dụng vào thực tế.	
55	QQ03472	Viết lời quảng cáo	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về khái niệm, mục đích, vai trò và các yêu cầu cơ bản của viết lời quảng cáo (copywriting); hiểu được những nguyên tắc của viết lời quảng cáo, nắm rõ quy trình và kế hoạch viết quảng cáo và biết cách so sánh các dạng sản phẩm viết quảng cáo; được rèn luyện các kỹ năng về viết lời quảng cáo, lập kế hoạch và so sánh để hoàn thiện sản phẩm; từ đó hình thành thái độ nghiêm túc, cầu thị khi hoạt động trong lĩnh vực quảng cáo nói riêng và truyền thông nói chung.	
56	QQ02609	Truyền thông nội bộ	Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về cơ cấu tổ chức và hoạt động bên trong của các cơ quan, tổ chức, nắm được hoạt động quan hệ công chúng nội bộ, có kỹ năng tác nghiệp trong lĩnh vực quan hệ công chúng nội bộ nhằm xây dựng và duy trì quan hệ tốt đẹp trong tổ chức, góp phần hoàn thành mục tiêu của tổ chức.	
57	QQ02603	Văn hoá doanh nghiệp	Sau khi kết thúc học phần, người học nắm được kiến thức cơ	

			marketing; có thái độ đúng đắn đối với môn học phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp.	
66	QQ42029	Hồ sơ và phỏng vấn tuyển dụng	Học phần trang bị kiến thức về quy trình ứng tuyển và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực truyền thông, phát triển kỹ năng cần thiết để thành công trong việc tìm kiếm việc làm và phát triển sự nghiệp trong lĩnh vực truyền thông cũng như tìm hiểu về các công việc và vai trò khác nhau trong ngành truyền thông, từ đó giúp họ xác định được lĩnh vực nghề nghiệp phù hợp với mình.	
67	QQ43042	Thực tập tốt nghiệp	Thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quan hệ công chúng và Quảng cáo tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Thực tập nghề nghiệp giúp sinh viên có kiến thức và kinh nghiệm về công việc thực tế, giúp sinh viên mở rộng mối quan hệ với những người làm nghề, qua đó sinh viên hình thành thái độ đúng đắn với công việc trong tương lai, mục tiêu lớn nhất là giúp sinh viên tìm được công việc đúng ngành sau khi tốt nghiệp.	
68	QQ53008	Quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông; bao gồm khái niệm vấn đề và	

			khủng hoảng, sự ảnh hưởng của các vấn đề về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đến hoạt động của cơ quan/tổ chức; nguyên nhân, đặc điểm cũng như tác động của khủng hoảng, quy trình và chiến lược để quản lý vấn đề và xử lý khủng hoảng truyền thông... Học phần cũng hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, nhận diện các tin giả, tin sai sự thật, bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; có khả năng thực hiện các kế hoạch nhằm dự báo, đánh giá và đối phó với khủng hoảng, các hoạt động giúp phục hồi uy tín hậu khủng hoảng...	
69	QQ43044	Quản trị bán hàng và quan hệ khách hàng	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý bán hàng và mối quan hệ khách hàng. Môn học giúp người học hiểu được những công việc cụ thể của người phụ trách bán hàng và xây dựng mối quan hệ với khách hàng và vận dụng những kỹ năng để quản lý các công việc đó một cách hiệu quả. Môn học giúp sinh viên có được khung cơ bản về quá trình bán hàng và các chiến lược quản trị mối quan hệ với khách hàng và có khả năng vận dụng kiến thức đó để xây dựng được một quy trình bán hàng và quản trị mối quan hệ khách hàng phù với doanh nghiệp mình.	
70	QQ53013	Vận động hành lang trong	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức	

		PR	cơ bản về hoạt động vận động hành lang (VĐHL) bao gồm lịch sử hình thành, nguyên tắc, quy trình thực hiện theo kinh nghiệm các nước trên thế giới. Người học không chỉ nhận thức đúng đắn hơn về điều kiện pháp lí, vị trí vai trò quan trọng của lĩnh vực này đối với hoạch định và triển khai chính sách vĩ mô mà còn có điều kiện trau dồi kỹ năng, nghiên cứu, phân tích, định hướng phẩm chất để thực hiện công việc này sau khi tốt nghiệp	
71	QQ43046	Chiến dịch truyền thông - marketing	Học phần cung cấp các kiến thức về việc xây dựng và thực hiện một chiến dịch truyền thông - marketing. Học phần cũng hình thành cho sinh viên kỹ năng nghiên cứu, phân tích, phản biện và đánh giá các chiến dịch; có khả năng lập và thực hiện một chiến dịch truyền thông - marketing hoàn chỉnh cho doanh nghiệp, tổ chức.	
72	QQ43047	Truyền thông gây quỹ	Môn học này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế hiểu biết về các khái niệm, kỹ thuật cũng như các lý thuyết mới và tiên tiến về gây quỹ, đặc biệt là trong thời đại truyền thông xã hội. Trong suốt khóa học này, sinh viên sẽ có thể phát triển các kỹ năng quản lý và lãnh đạo, học cách phân tích và đánh giá quy trình và phương pháp gây quỹ.	
73	QQ43048	Truyền thông quảng bá ngôi sao	Sau khi kết thúc môn học, học viên hiểu rõ và áp dụng các chiến	

			lược quản trị truyền thông hiệu quả để nâng cao hình ảnh và sự nổi tiếng của các ngôi sao trong ngành giải trí. Môn học này không chỉ tập trung vào việc xây dựng hình ảnh tích cực mà còn nhấn mạnh vào việc quản lý và ứng phó với các tình huống khẩn cấp, những thách thức truyền thông tiêu cực có thể đối mặt. Chương trình giảng dạy sẽ cung cấp kiến thức vững về quản lý truyền thông, phân tích thị trường và đối tượng khán giả, cũng như cách xây dựng chiến lược quảng bá phù hợp với từng ngôi sao.	
74	QQ04024	Khóa luận tốt nghiệp/ Tác phẩm tốt nghiệp	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên khả năng hình thành ý tưởng, về vấn đề nghiên cứu, biết cách tổng hợp và vận dụng lý thuyết để giải quyết vấn đề liên quan đến truyền thông - marketing trong thực tiễn.	
75	QQ43049	Quản trị sự kiện	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sự kiện và tổ chức sự kiện, về nghề tổ chức sự kiện, nắm vững các nguyên tắc tổ chức sự kiện chuyên nghiệp để truyền đạt có hiệu quả thông điệp của tổ chức, doanh nghiệp đến công chúng. Sau khi hoàn thành xong môn học, sinh viên có khả năng lên một kế hoạch tổ chức sự kiện ở quy mô nhỏ và hoạch định kế hoạch tổ chức sự kiện đó.	

76	QQ02610	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Học phần trang bị kiến thức cơ bản về các vấn đề liên quan đến đạo đức kinh doanh, các vấn đề về việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Từng chủ đề của môn học bao gồm mối quan hệ giữa doanh nghiệp và xã hội, tìm hiểu mối quan hệ giữa các nhóm công chúng cùng những vấn đề phát sinh có liên quan, cơ sở lý thuyết về đạo đức doanh nghiệp, đạo đức kinh doanh trong quản lý và lãnh đạo, cơ sở lý thuyết về trách nhiệm xã hội, mối quan hệ giữa môi trường và doanh nghiệp, các vấn đề của toàn cầu hóa và trách nhiệm của doanh nghiệp. Trang bị kỹ năng thực hành tìm hiểu và nghiên cứu các nhóm công chúng, so sánh sự khác biệt giữa việc xây dựng trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với các nhóm này.	
----	---------	-------------------------------------	--	--

GIÁM ĐỐC



PGS, TS. Phạm Minh Sơn

TRƯỞNG BAN
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TS. Trần Văn Thư

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Thị Minh Hiền